

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VỀ TÌNH DỤC AN TOÀN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ TĨNH NĂM 2024

Hồ Thị Hải Lê¹, Nguyễn Sừ Minh Ngọc²

¹Trường Đại học Y khoa Vinh

²Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh

Việc cung cấp kiến thức, kỹ năng về các vấn đề sức khỏe sinh sản tuổi dậy thì hết sức quan trọng và mang tính cấp thiết cho vị thành niên, đòi hỏi cần quan tâm đến sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất, tinh thần của các em. Nghiên cứu với mục tiêu mô tả thực trạng kiến thức về tình dục an toàn của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hà Tĩnh năm 2024. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 405 học sinh tại 3 trường trung học phổ thông tại thành phố Hà Tĩnh từ tháng 10/2023-tháng 8/2024. Kết quả có 69,6% học sinh đạt về kiến thức tình dục an toàn, lành mạnh và các biện pháp tránh thai; 58% học sinh trả lời đúng về hậu quả của nạo phá thai là có thể gây vô sinh, có thể gây nhiều biến chứng nặng nề tới sức khỏe thể chất và tinh thần, có thể tử vong. Kết quả nghiên cứu số học sinh được đánh giá đạt kiến thức chung về sức khỏe sinh sản còn ở mức thấp 33,8% do đó cần phải nâng cao vai trò giáo dục sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên về kiến thức tình dục an toàn.

Từ khóa: sức khỏe sinh sản, học sinh, kiến thức.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển mạnh, thanh thiếu niên có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin đa chiều về giới tính và sức khỏe sinh sản qua các kênh thông tin: mạng xã hội, internet,... Bên cạnh những nguồn thông tin chính thống, trẻ vị thành niên có thể dễ dàng tiếp cận với nhiều nguồn thông tin sai lệch, không được kiểm duyệt và không phù hợp với lứa tuổi; có thể dẫn đến sự hiểu biết sai lệch, thiếu thông tin dẫn tới các thái độ và hành vi không tốt, ảnh hưởng tới sức khỏe và học tập của các em.

Theo báo cáo của Quỹ Dân số Liên hợp quốc năm 2022 (UNFPA), Việt Nam thuộc nhóm 20 nước có tỷ lệ phá thai vị thành niên cao nhất thế giới với khoảng 300.000 ca/năm [1].

Theo báo cáo công bố cuối năm 2022 của Vụ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em (Bộ Y tế), số ca mang thai tuổi vị thành niên (15-19 tuổi) chiếm 2,5-3% tổng số phụ nữ mang thai, mỗi năm có thêm 3.000 ca phá thai ở tuổi vị thành niên tại các cơ

sở y tế công lập, thực tế có thể cao hơn rất nhiều do hơn 40% ca phá thai ở Việt Nam được thực hiện ở cơ sở tư nhân [2]. Đây không chỉ là một gánh nặng, thách thức lớn trong công tác dân số nước ta, đáng lưu tâm hơn là những hậu quả nghiêm trọng nó để lại cho thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước. Đặc biệt tâm lý muốn bắt chước, học cách cư xử, hành vi của người lớn trong khi thiếu kiến thức, hiểu biết về cơ thể, sinh lý thụ thai, sức khỏe sinh sản, các bệnh về tình dục,... làm cho nhóm thiếu niên trở thành nhóm có nguy cơ, dễ bị tổn thương [3]. Vì vậy, việc cung cấp kiến thức, kỹ năng về các vấn đề sức khỏe sinh sản (SKSS) tuổi dậy thì hết sức quan trọng và mang tính cấp thiết, đòi hỏi chúng ta cần quan tâm đến sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất, tinh thần của các em.

Thành phố Hà Tĩnh hiện có 03 trường trung học phổ thông (THPT) công lập bao gồm: trường THPT Phan Đình Phùng, trường THPT Thành Sen, trường THPT Chuyên Hà Tĩnh. Chương trình giáo dục SKSS cho học sinh THPT bắt đầu được thực hiện từ năm 2021, các chương trình này chủ yếu là các hoạt động ngoại khóa với sự phối hợp giữa các trường THPT trên địa bàn và

Tác giả chính: Hồ Thị Hải Lê
Email: haile@vnu.edu.vn

sở Y tế. Tuy nhiên, các chương trình chỉ mới cung cấp các kiến thức về tình bạn, tình yêu; chưa thật sự đi sâu vào các nội dung giáo dục SKSS như: các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục và cách phòng tránh, sử dụng đúng các biện pháp tránh thai, tình dục an toàn lành mạnh,... Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu mô tả thực trạng kiến thức về tình dục an toàn của học sinh Trung học phổ thông tại Thành phố Hà Tĩnh năm 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

405 học sinh đang học tập năm học 2023-2024 tại 3 trường THPT Chuyên Hà Tĩnh, THPT Phan Đình Phùng, THPT Thành Sen.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Học sinh đang học tập tại trường năm học 2023-2024 và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Không có mặt tại thời điểm điều tra.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: từ tháng 10/2023 đến hết tháng 08/2024 tại Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh, Trường THPT Phan Đình Phùng, Trường THPT Thành Sen.

Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = z_{1-\alpha/2}^2 \frac{\rho \times (1 - \rho)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu,

$Z(1-\alpha/2) = 1,96$,

$p = 34,3\%$ (Tỷ lệ học sinh THPT có kiến thức chung về sức khỏe sinh sản đạt trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoa thực hiện trên 420 học sinh tại huyện Ninh Thụy, tỉnh Thái Bình năm 2022) [4],
 $d = 0,05$.

Dự phòng 15% số người bỏ nghiên cứu hoặc trả lời không đầy đủ các câu hỏi được cỡ mẫu

$n=400$. Thực tế chúng tôi phỏng vấn được 405 học sinh.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu nhiều giai đoạn.

Chọn trường: Tất cả 3 trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh (Bao gồm 3 trường THPT Chuyên Hà Tĩnh, THPT Phan Đình Phùng, THPT Thành Sen)

Chọn lớp: Lấy mẫu cụm xác suất tỷ lệ với số học sinh trong trường, bốc thăm chọn lớp.

Chọn học sinh: toàn bộ học sinh trong lớp.

Phương pháp phân tích số liệu: Dữ liệu nghiên cứu được nhập bằng phần mềm Epi Data 3.1 và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0, sử dụng thuật toán thống kê mô tả, tính tỉ lệ, tần số.

3. Đạo đức nghiên cứu

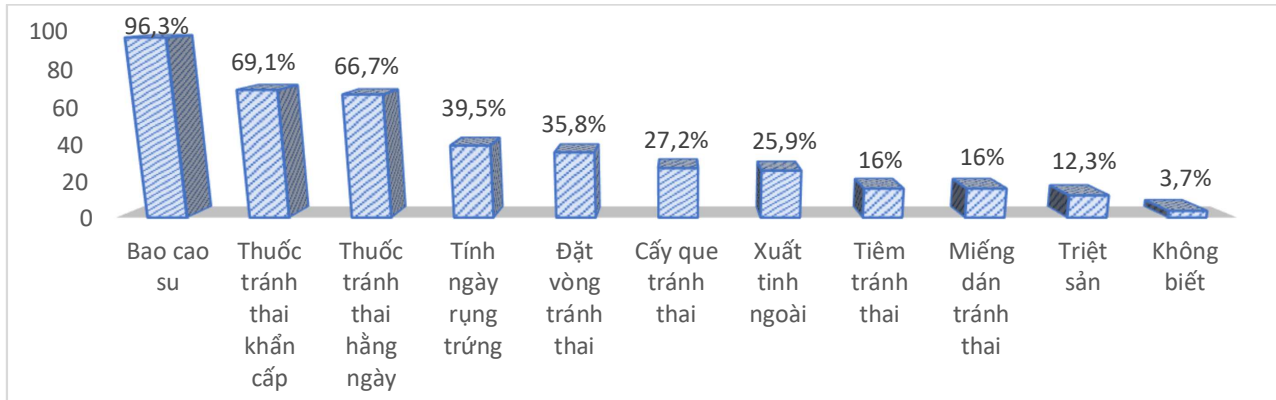
Nghiên cứu được triển khai sau khi thông qua hội đồng khoa học của Trường đại học Y khoa Vinh. Nghiên cứu được sự đồng ý của ban giám hiệu trường, các thầy cô chủ nhiệm lớp và phụ huynh học sinh. Các đối tượng tham gia vào nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia. Kết quả chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Kiến thức của học sinh về tình dục lành mạnh, an toàn và các biện pháp tránh thai (n=405)

Kiến thức của học sinh về tình dục an toàn, lành mạnh	n	%
Đạt	282	69,6
Không đạt	123	30,4
Tổng	405	100

Có 69,6% học sinh đạt về kiến thức tình dục an toàn, lành mạnh và các biện pháp tránh thai.



Biểu đồ 1. Các biện pháp tránh thai mà các học sinh biết đến (n=405)

Bao cao su là biện pháp tránh thai được học sinh biết tới nhiều nhất (96,3%), tiếp đó là thuốc tránh thai khẩn cấp (69,1%), thuốc tránh thai hằng ngày (66,7%).

Bảng 2. Kiến thức của học sinh về sử dụng bao cao su (n=405)

Thông tin	n	%
Bao cao su được sử dụng lúc nào		
Kéo dài từ lúc bắt đầu quan hệ tình dục đến lúc kết thúc giao hợp	155	38,3
Kéo dài từ lúc bắt đầu quan hệ tình dục đến sau khi xuất tinh	190	46,9
Khi sắp xuất tinh mới sử dụng	5	1,2
Không biết	55	13,6
Một chiếc bao cao su có thể sử dụng mấy lần		
Một lần duy nhất	372	91,9
Có thể tái sử dụng	1	0,2
Không biết	32	7,9
Tổng	405	100

Có 46,9% học sinh trả lời đúng về thời điểm sử dụng bao cao su là kéo dài từ lúc bắt đầu quan hệ tình dục đến sau khi xuất tinh; 13,6% học sinh không biết. 91,9% học sinh trả lời đúng 1 chiếc bao cao su chỉ có thể sử dụng 1 lần; 7,9% học sinh không biết; 0,2% cho rằng có thể tái sử dụng.

Bảng 3. Kiến thức của học sinh về sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp (n=405)

Thông tin		n	%
Sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp	Trong vòng 3 ngày sau khi quan hệ tình dục không có sự bảo vệ	125	30,9
	Trước khi quan hệ tình dục	88	21,7
	Dùng hằng ngày	15	3,7
	Bất kể lúc nào sau khi quan hệ tình dục	60	14,8
	Không biết	76	18,8
	Chưa từng nghe nói đến thuốc tránh thai khẩn	41	10,1
Tác dụng phụ của thuốc tránh thai khẩn cấp	Trả lời đúng	85	21
	An toàn, không có tác dụng phụ nguy hiểm	14	3,5
	Rối loạn chu kỳ kinh nguyệt	186	45,9
	Xuất huyết tử cung bất thường	164	40,5
	Gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản sau này (nếu dùng quá nhiều)	194	47,9
	Không biết	20	7,4

Có 30,9% học sinh trả lời đúng sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp trong vòng 3 ngày sau khi quan hệ tình dục không có sự bảo vệ. Có 21% học sinh trả lời đúng về các tác dụng phụ của thuốc tránh thai khẩn cấp.

Bảng 4. Kiến thức của học sinh về hậu quả của quan hệ tình dục không an toàn (n=405)

Thông tin	n	%
Trả lời đúng hậu quả khi quan hệ tình dục không an toàn	334	82,5
Mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục	349	86,2
Mang thai ngoài ý muốn	339	83,7
Không có vấn đề gì cả	31	7,7
Không biết	5	1,2

Có 82,5% học sinh trả lời đúng hậu quả của quan hệ tình dục không an toàn là mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và mang thai ngoài ý muốn; có 7,7 học sinh cho rằng quan hệ tình dục không an toàn không có vấn đề gì cả, 1,2% học sinh không biết.

Bảng 5. Kiến thức của học sinh về hậu quả của nạo phá thai (n=405)

Thông tin	n	%
Trả lời đúng hậu quả nạo phá thai	235	58
Có thể gây vô sinh sau này	317	78,3
Có thể có nhiều biến chứng nặng nề tới sức khỏe thể chất và tinh thần	342	84,4
Có thể tử vong	245	60,5
Không có hậu quả gì	8	2
Không biết	40	9,9

Có 58% học sinh trả lời đúng về hậu quả của nạo phá thai là có thể gây vô sinh, có thể gây nhiều biến chứng nặng nề tới sức khỏe thể chất và tinh thần, có thể tử vong.

IV. BÀN LUẬN

Qua nghiên cứu 405 học sinh tại 3 trường THPT Chuyên Hà Tĩnh, THPT Phan Đình Phùng, THPT Thành Sen kết quả thu được có 69,6% học sinh đạt về kiến thức tình dục an toàn, lành mạnh và các biện pháp tránh thai. 44,4% học sinh trả lời đúng 3 đáp án về thủ dâm. 53,1 % trả lời đúng chỉ nên thực hiện với tần suất ở ngưỡng cho phép (2-3 lần/tuần). 56,8% trả lời đúng vệ sinh sạch sẽ cơ quan sinh dục và tay trước khi thủ dâm, 53,1% trả lời đúng thực hiện nhẹ nhàng và cẩn thận để tránh gây tổn thương cho cơ quan sinh dục; 37% học sinh cho rằng thủ dâm là không nên; 4,9% cho rằng nên thủ dâm hằng ngày.

Bao cao su là biện pháp tránh thai được học sinh biết tới nhiều nhất (96,3%), tiếp đó là thuốc tránh thai khẩn cấp (69,1%), thuốc tránh thai hằng

ngày (66,7%), tính ngày rụng trứng (39,5%), đặt vòng tránh thai (35,8%), cấy que tránh thai (27,2%), xuất tinh ngoài (25,9%), tiêm thuốc tránh thai (16%), miếng dán tránh thai (16%), triệt sản (12,3%); 3,7% học sinh không biết đến các biện pháp tránh thai. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương My tại Phú Thọ khi chỉ có 76,1% học sinh biết đến các phương pháp tránh thai [5]. Có 46,9% học sinh trả lời đúng về thời điểm sử dụng bao cao su là kéo dài từ lúc bắt đầu quan hệ tình dục đến sau khi xuất tinh; 13,6% học sinh không biết. 91,9% học sinh trả lời đúng 1 chiếc bao cao su chỉ có thể sử dụng 1 lần; 7,9% học sinh không biết; 0,2% cho rằng có thể tái sử dụng. Những kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Lê Thị Vân Anh khi có 57,2% học sinh trong nghiên cứu này biết cách sử dụng đúng bao

cao su [6]. Có thể thấy rằng các em biết về bao cao su và thường sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục nhưng lại chưa hiểu biết đúng về cách sử dụng bao cao su. Công tác truyền thông cần tăng cường và đi sâu hơn nữa, cung cấp kiến thức và cách sử dụng đúng bao cao su cho các em học sinh.

Có 30,9% học sinh trả lời đúng sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp trong vòng 3 ngày sau khi quan hệ tình dục không có sự bảo vệ. Tuy nhiên, vẫn có những học sinh chọn các câu trả lời sai như dùng thuốc tránh thai khẩn cấp trước khi quan hệ tình dục (21,7%), dùng bất kể lúc nào sau khi quan hệ tình dục (14,8%), dùng hằng ngày (3,7%). 10,1% học sinh chưa từng nghe đến thuốc tránh thai khẩn cấp (10,1%); 18,8% học sinh không biết; 21% học sinh trả lời đúng về các tác dụng phụ của thuốc tránh thai khẩn cấp. Bên cạnh đó, có 3,5% học sinh cho rằng thuốc tránh thai khẩn cấp là an toàn không có tác dụng phụ nguy hiểm; 7,4% không biết đến tác dụng phụ của thuốc tránh thai khẩn cấp. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Lê Thị Vân Anh với tỷ lệ 38,8% học sinh biết cách sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp [6]. Đối tượng sinh viên như trong nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong năm 2017 có 51,1% sinh viên biết cách sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp. Có thể thấy phần lớn các em không chủ động trong việc quan hệ tình dục nên việc tránh thai khẩn cấp là lựa chọn duy nhất để tránh thai ngoài ý muốn, điều này có thể dẫn đến việc các em lạm dụng những viên tránh thai khẩn cấp do không biết sử dụng và không biết đến những nguy hiểm của loại thuốc này. Điều này vô tình gây nguy hiểm đến sức khỏe và khả năng sinh sản của các em sau này. Vì vậy cần có các biện pháp truyền thông thích hợp về vấn đề này tới các em học sinh.

Những kết quả này cho thấy sự tiếp cận thông tin của các em với các vấn đề về tình dục và an toàn tình dục là có nhưng chưa đủ. Các

em biết về các phương pháp, nhưng lại chưa biết về cách sử dụng đúng của các phương pháp tránh thai này. Vì thế, khi quan hệ tình dục các em vẫn còn lúng túng trong việc sử dụng đúng các phương pháp an toàn; từ đó có thể gây nên các hậu quả không đáng có. Vì vậy, cần tập trung hơn vào các vấn đề về sử dụng đúng các phương pháp tránh thai khi thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe với đối tượng học sinh THPT.

Kết quả cho thấy có 82,5% học sinh trả lời đúng hậu quả của quan hệ tình dục không an toàn là mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và mang thai ngoài ý muốn, vẫn có 7,7% học sinh cho rằng quan hệ tình dục không an toàn không có vấn đề gì cả, 1,2% học sinh không biết. Kết quả này cao hơn so với kết quả của Lê Thị Vân Anh (65,5%), Nguyễn Thị Hoa (76,8%) [6], [4].

Về nơi cung cấp các biện pháp tránh thai, hầu như học sinh biết đến hiệu thuốc (90,1%), tiếp đó là bệnh viện (42%), trạm y tế xã/phường (37%), siêu thị, tạp hóa 25,9%, 7,4% không biết. Tỷ lệ các em biết về nơi cung cấp các biện pháp tránh thai cao hơn so với các nghiên cứu trước. Nghiên cứu của Lê Thị Vân Anh nhận thấy có tới 13,6% học sinh không biết nơi cung cấp các biện pháp tránh thai, 76,9% biết hiệu thuốc, 46,9% biết tới bệnh viện, 35% biết tới trạm y tế [6]. Sự khác biệt trên có thể do các lý do: cùng với sự phát triển của thông tin đại chúng, sự phong phú từ các kênh truyền thông cũng như nhận thức của xã hội về SKSS đã cởi mở hơn; hoặc do những năm gần đây, ngành giáo dục đã tăng cường đưa các nội dung tuyên truyền về SKSS tích hợp vào các môn học như giáo dục công dân, sinh học,... đồng thời tăng cường phối hợp với các tổ chức đoàn thanh niên, ủy ban dân số, tổ chức các buổi truyền thông tư vấn ngoại khóa về SKSS cho học sinh trong các trường THPT nên sự hiểu biết về SKSS nói chung và các kênh cung cấp dịch vụ tránh thai được học sinh ngày càng biết đến nhiều hơn.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, số học sinh được đánh giá đạt kiến thức chung về SKSS còn ở mức thấp, chỉ có 33,8%. Do đó, cần lồng ghép giáo dục sức khỏe sinh sản và giáo dục giới tính vào chương trình học. Ngoài ra, các trường nên thành lập/ tăng cường các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ để các em được giao lưu, tìm hiểu về các kiến thức về sức khỏe sinh sản. Ngành giáo dục và y tế nên chú trọng hơn vào các vấn đề sức khỏe sinh sản chuyên sâu như tình dục lành mạnh, an toàn và các biện pháp tránh thai, vệ sinh cơ quan sinh dục,... cho học sinh lứa tuổi THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. **UNICEF**. Gender Equality: Global Annual Results Report 2022. 2023.
- [2] **Bộ Y Tế, Vụ Bà mẹ và trẻ em**. Báo cáo hội nghị Tổng kết công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ-trẻ em/sức khỏe sinh sản năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023. 2023.

- [3] **Nguyễn Tuấn Kiên**. *Thực trạng kiến thức, thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục của học sinh tại trường Trung học phổ thông Phú Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên*. Tạp Chí Y học Việt Nam, tháng 7, 2023; số 1 tập 528, tr 117-18; 2023.
- [4] **Nguyễn Thị Hoa**. *Kiến thức và hành vi tình dục an toàn của học sinh năm cuối trường THPT Thái Ninh, huyện Ninh Thủy, tỉnh Thái Bình năm 2022*. Khóa Luận Bác Sĩ Khoa. Đại học Y Hà Nội; 2022.
- [5] **Nguyễn Thị Phương My**. *Kiến thức, thái độ về tình dục an toàn và một số yếu tố liên quan của học sinh trường Trung học phổ thông Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ*. Luận văn thạc sĩ Y tế Công cộng. Đại học Y tế công cộng. 2016.
- [6] **Lê Thị Vân Anh**. *Thực trạng tiếp cận thông tin và kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh trung học phổ thông tại huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa năm 2019*. Luận văn Thạc sĩ Y học Dự phòng. Đại học Y Hà Nội. 2019.

SUMMARY

KNOWLEDGE STATUS ABOUT SAFE SEX OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HA TINH CITY IN 2024

Providing knowledge and skills about reproductive health (RH) issues during puberty is extremely important and urgent for adolescents, requiring attention to their full physical and mental development. Research with the goal of describing the current status of knowledge about safe sex among high school (HS) pupils in Ha Tinh City in 2024. Cross-sectional descriptive research design on 405 pupils at 3 high schools in Ha Tinh city from October 2023 to August 2024. As a result, 69.6% of pupils achieved knowledge of safe, healthy sex and contraceptive methods; 58% of pupils answered correctly that the consequences of abortion are that it can cause infertility, can cause many serious complications to physical and mental health, and can lead to death. Research results show that the number of pupils assessed to have general knowledge about reproductive health is still low at 33.8%, so it is necessary to improve the role of reproductive health education for adolescents on safe sex knowledge.

Keywords: Reproductive health, pupils, knowledge.